

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 (TỔNG HỢP CHUNG THEO NGÀNH, LĨNH VỰC)

(Theo số vốn đã giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ và số vốn ngân sách tỉnh giao tăng thu tiền đất giai đoạn 2021-2025, vốn ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương, kết dư khác đã giao ngoài cân đối bổ sung năm 2021)

(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Biểu số 01

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH BẮC GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
		Tổng số <i>(bao gồm cả bổ sung nguồn của ngân sách tỉnh, ngân sách TW năm 2021 đã giao, giao tăng thu tiền đất so với TW giao và TPCQĐP)</i>	Trong đó:		Tinh riêng tổng số các nguồn vốn (theo QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ)			
			Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	
1	2	6	6.1	6.2	7	7.1	7.2	8
	TỔNG SỐ	40.131.425	39.803.736	327.688	25.290.058	25.005.359	284.700	
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	34.400.078	34.400.078		19.644.700	19.644.700		
	<i>Trong đó:</i>							
I	Vốn cân đối theo tiêu chí từ ngân sách Trung ương cho tỉnh	3.504.700	3.504.700		3.504.700	3.504.700		Giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021
II	Vốn xổ số kiến thiết	140.000	140.000		140.000	140.000		Giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021
III	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	29.420.000	29.420.000		16.000.000	16.000.000		Giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021
1	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh giao cân đối hàng năm	8.451.000	8.451.000		4.425.000	4.425.000		
	+ Điều tiết quỹ phát triển đất	775.295	775.295		372.695	372.695		
	+ Bổ sung ngân sách tỉnh để đầu tư các công trình cấp thiết của tỉnh	7.675.705	7.675.705		4.052.305	4.052.305		

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
		Tổng số (bao gồm cả bổ sung nguồn của ngân sách tỉnh, ngân sách TW năm 2021 đã giao, giao tăng thu tiền đất so với TW giao và TPCQĐP)	Trong đó:		Tinh riêng tổng số các nguồn vốn (theo QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ)			
			Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất để lại cho các huyện, thành phố	20.969.000	20.969.000		11.575.000	11.575.000		
IV	Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn vượt thu, nguồn kết dư và nguồn thu khác từ ngân sách tỉnh	634.691	634.691					Bổ sung KH năm 2021
V	Bội chi ngân sách địa phương							
VI	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	700.000	700.000					
VII	Dự kiến vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh (theo cơ chế đất khai thác mới)							
VIII	Vốn khác (kết dư ngân sách tỉnh và TW, đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các đơn vị sự nghiệp)	686	686					Bổ sung KH năm 2021
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	5.688.346	5.360.658	327.688	5.645.358	5.360.658	284.700	
I	Vốn ngân sách Trung ương trong nước (Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực)	5.360.658	5.360.658		5.360.658	5.360.658		Giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021
	<i>Trong đó:</i>							
1	Thu hồi các khoản ứng trước	418.958	418.958		418.958	418.958		
2	Các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng, đường ven biển	1.100.000	1.100.000		1.100.000	1.100.000		
II	Vốn nước ngoài (ODA)	327.688		327.688	284.700		284.700	
	<i>Trong đó:</i>							
1	Vốn ODA cấp phát từ NSTW	284.700		284.700	284.700		284.700	Giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Ghi chú	
		Tổng số (bao gồm cả bổ sung nguồn của ngân sách tỉnh, ngân sách TW năm 2021 đã giao, giao tăng thu tiền đất so với TW giao và TPCQĐP)	Trong đó:		Tinh riêng tổng số các nguồn vốn (theo QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ)			
			Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước		Nước ngoài
2	Vốn ODA do tỉnh vay lại	42.988		42.988				TW không giao vốn ODA trung hạn nguồn cho vay lại, sẽ thực hiện giao hàng năm theo tỷ lệ vốn ODA cấp phát; số vốn vay lại năm 2021 là 42,988 tỷ đồng
III	Vốn trái phiếu Chính phủ							
1	Giao thông							
2	Giáo dục							
IV	Vốn Chương trình MTQG							
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							TW chưa giao trung hạn 2021-2025; KH năm 2021 bổ sung vốn sự nghiệp NSTW là 27,643 tỷ đồng
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025							TW chưa giao trung hạn 2021-2025
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030							TW chưa giao trung hạn 2021-2025

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
		Tổng số (bao gồm cả bổ sung nguồn của ngân sách tỉnh, ngân sách TW năm 2021 đã giao, giao tăng thu tiền đất so với TW giao và TPCQĐP)	Trong đó:		Tinh riêng tổng số các nguồn vốn (theo QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ)			
			Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	
C	VỐN NSTW BỔ SUNG HÀNG NĂM (NGOÀI CÂN ĐỐI ĐÃ GIAO TRUNG HẠN)	43.000	43.000					
I	Thủy lợi, đê điều	43.000	43.000					Bổ sung KH năm 2021 từ dự phòng NSTW
II	Phát triển rừng							
III	Lĩnh vực khác (nếu có)							

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH BẮC GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trị theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)														Ghi chú	
									TMDT				TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao lại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)		Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP, TP chính quyền địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác)	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao lại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để xây dựng năm 2022 + số tỉnh điều tiết 30% (gồm 27% cho đầu tư và 3% Quy PT đất cho 3 năm 2023-2025)(*)	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Tổng số	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương				
					Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:		Trong đó:
TỔNG SỐ					29.829.895	15.141.187	10.157.180	1.337.606	40.131.425	25.290.058	3.504.700	29.420.000	8.451.000	20.969.000	634.691	140.000	5.360.658	418.958	284.700	42.988	700.000	43.000	686	
A	KHÓI CẤP TỈNH QUẢN LÝ				29.829.895	15.141.187	10.157.180	1.337.606	18.387.130	13.342.363	3.504.701	7.675.705	7.675.705		634.691	140.000	5.360.658	418.958	284.700	42.988	700.000	43.000	686.185	
I	TRẢ NỢ VỐN VAY TÍN DỤNG ƯU ĐÃI, VỐN VAY LẠI ODA PHẦN NGÂN SÁCH TỈNH PHẢI TRẢ THEO NIÊN HẠN		2021-2025						154.456	154.456	154.456													
1	Trả nợ gốc vốn vay tín dụng ưu đãi phần ngân sách tỉnh phải trả		2021-2025						19.000	19.000	19.000													
2	Trả nợ gốc và lãi vay theo Hiệp định các dự án ODA đến niên hạn phải trả		2021-2025						135.456	135.456	135.456													
	+ Trả gốc		2021-2025						135.456	135.456	135.456													
	+ Trả lãi		2021-2025																				NS tỉnh trả từ nguồn thu khác	
3	Trả nợ lãi và gốc trái phiếu Chính quyền địa phương		2021-2025																					
	+ Trả gốc		2021-2025																				NS tỉnh trả từ nguồn thu khác	
	+ Trả lãi		2021-2025																				NS tỉnh trả từ nguồn thu khác	
II	TRẢ NỢ CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN		2021-2025					947.680	500.000	500.000	434.916	434.916		12.764										
III	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		2021-2025					125.000	75.000	75.000	50.000	50.000												

STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)												Ghi chú				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	ODA do tỉnh vay lại		Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP, TP chính quyền địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác)	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)			Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để đầu tư (bảng số đã xây dựng năm 2022 + số tính điều tiết 30% (gồm 27% cho đầu tư và 3% Quỹ PT đất cho 3 năm 2023-2025)(*)			Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Tổng số							Tổng số
IV	VON THỰC HIỆN QUY HOẠCH		2021-2025		43.000	43.000			13.000	13.000	13.000														
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				43.000	43.000			13.000	13.000	13.000														
1.1	Lập Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sơ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang	2019-2021	Báo cáo tổng hợp, báo cáo chuyển đề, nội dung đề xuất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 và hệ thống bản đồ theo quy định	11/NQ-CP, 05/02/2018; 4028/BKHĐT-TH, 14/6/2018; 146/UBND-TH, 15/8/2018; 1962/QĐ-UBND, 18/12/2018	43.000	43.000			13.000	13.000	13.000													
2	Lập Quy hoạch xây dựng tỉnh		2021-2025																						
V	HỖ TRỢ CÁC HUYỆN, TP				496.143	474.000			1.343.764	1.093.764	835.000	468.764	468.764	40.000											
1	Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	Các huyện, tp	2021-2025	Đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội					500.000	500.000	500.000														
1.1	Thành phố Bắc Giang								29.500	29.500	29.500														
1.2	Huyện Sơn Động								69.000	69.000	69.000														
1.3	Huyện Lục Ngạn								81.500	81.500	81.500														
1.4	Huyện Lục Nam								63.000	63.000	63.000														
1.5	Huyện Yên Thế								54.500	54.500	54.500														
1.6	Huyện Hiệp Hòa								40.500	40.500	40.500														
1.7	Huyện Tân Yên								46.000	46.000	46.000														
1.8	Huyện Việt Yên								32.500	32.500	32.500														
1.9	Huyện Yên Dũng								34.000	34.000	34.000														
1.10	Huyện Lạng Giang								49.500	49.500	49.500														

STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)												Ghi chú				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Trong đó: ODA do tỉnh vay lại	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để điều tiết năm 2021 + số đã xây dựng năm 2022 + số tính điều tiết 30% (gồm 27% cho đầu tư và 3% Quỹ PT đất cho 3 năm 2023-2025)(*)				Tổng số	Tổng số			Trong đó thu hồi ứng trước							
2	Hỗ trợ ngân sách huyện đầu tư cơ sở hạ tầng cho các thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang theo Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh, giai đoạn 2019-2021	Các huyện, tp	2019-2021		54.000	54.000		18.000	18.000		18.000	18.000													
3	Hỗ trợ các huyện, thành phố tu bổ di tích lịch sử văn hóa theo NQ của HĐND tỉnh	Các huyện, tp	2020-2024		100.000	100.000		20.000	20.000		20.000	20.000												Các năm 2022-2025 dùng vốn sự nghiệp NS tỉnh	
4	Hỗ trợ ngân sách các huyện để xử lý các vấn đề về môi trường theo NQ 06/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh	Các huyện, tp	2020-2022		170.000	170.000		70.764	70.764		70.764	70.764													
5	Hỗ trợ các huyện, thành phố thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025		2021-2025	Đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội				300.000	300.000	300.000															
6	Đổi ứng Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030		2021-2025	Đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội				200.000	30.000	30.000	170.000	170.000													
7	Đổi ứng Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025		2021-2025	Đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội				45.000	5.000	5.000	40.000	40.000													
8	Hỗ trợ ngân sách các huyện đầu tư một số dự án cấp thiết (giao tại QĐ 185/QĐ-UBND ngày 03/3/2021)		2021-2025	Hỗ trợ các dự án GT liên xã				40.000					40.000											Đã hỗ trợ từ nguồn vượt thu tiền đất điều tiết NS tỉnh năm 2020 chuyển nguồn 2021	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)												Ghi chú					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Trong đó: KH năm 2021	ODA do tỉnh vay lại	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Tổng số				Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Tổng số			Tổng số	Trong đó thu hồi ứng trước							
9	Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2024		2022-2024	Xây dựng 73 công trình ngầm dân sinh trên địa bàn 68 thôn, bản của 4 huyện: Sơn Đông, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế	172.143	150.000			150.000	150.000																
9.1	Đầu tư xây dựng công trình ngầm dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Sơn Đông, giai đoạn 2022-2024	Ban QLDA huyện Sơn Đông	2022-2024	Đầu tư 36 công trình ngầm dân sinh	615/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND huyện Sơn Đông	79.930	72.000			72.000	72.000															
9.2	Đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lục Ngạn	Ban QLDA huyện Lục Ngạn	2022-2024	Đầu tư 10 công trình ngầm và 2 công trình cầu dân sinh	2073/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND huyện Lục Ngạn	29.400	25.000			25.000	25.000															
9.3	Đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lục Nam, giai đoạn 2022-2024	Ban QLDA huyện Lục Nam	2022-2024	Đầu tư 13 công trình ngầm và 6 công trình cầu dân sinh	2706/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện Lục Nam	48.200	41.000			41.000	41.000															
9.4	Đầu tư xây dựng công trình ngầm dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Yên Thế	Ban QLDA huyện Yên Thế	2022-2024	Đầu tư 6 công trình ngầm dân sinh	645/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện Yên Thế	14.613	12.000			12.000	12.000															
VI	LĨNH VỰC GIAO THÔNG					16.508.998	8.280.678	6.420.333		9.149.134	5.353.429	406.758	4.279.735	4.279.735	240.573		3.522.068	2.868			700.000					
1	Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2019 (giao thu hồi vốn ứng trước)					528.026	228.026	300.000		2.868	2.868						2.868	2.868								

STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)												Ghi chú				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Trong đó: KII năm 2021		Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP, TP chính quyền địa phương, hỗ trợ TW khác)	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)				Tổng số	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố										Tổng số
*	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh																								
(1)	Xây dựng cầu Đông Xuyên và đường dẫn lên cầu	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2011-2015		8150/BKHĐT-KTĐPLT, ngày 21/10/2013	528.026	228.026	300.000		2.868	2.868														Số vốn còn lại giai đoạn 2016-2020 chưa thu hồi
2	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					2.443.454	1.165.506	1.213.900		676.847	491.274	122.458	348.816	348.816	185.573		20.000								
2.1	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh																								
(1)	Đường vành đai IV (Hà Nội) địa phận tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2017-2021; gia hạn 31/12/2022	Cấp III đồng bằng; tuyến chính 20,8 km; tuyến nhánh 14,6 km; 02 cầu	106/NQ-HĐND ngày 24/02/2017	1.230.512	200.512	1.030.000		20.000					20.000										
(2)	Nâng cấp, mở rộng đường gom bên trái tuyến QL1 (đoạn từ nút giao QL31 đến nút giao đường Hùng Vương) và cải tạo nút giao Hùng Vương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2019-2022	Nâng cấp, mở rộng đường gom dài 2,7km; cải tạo nút giao Hùng Vương; mở rộng cầu vượt Hùng Vương	11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; 03/NQ-HĐND ngày 29/3/2021	240.448	240.448			150.000	150.000	25.000	125.000	125.000											
(3)	Nâng cấp, mở rộng đường gom bên phải tuyến cao tốc Bắc Giang - Hà Nội, đoạn từ cầu vượt QL17 đến cầu vượt QL37, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2020-2022	Đường cấp III đồng bằng; chiều dài 4,4km	31/NQ-HĐND ngày 11/12/2019	171.017	171.017			89.000	79.000		79.000	79.000	10.000										Bổ sung 10 tỷ đồng vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021
(4)	Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 37 đoạn Km83+00 - Km88+100 và Km89+800 - Km91+400 huyện Việt Yên và Hiệp Hòa	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2019-2021	Gồm 02 đoạn, dài khoảng 6,7km; đường cấp III đồng bằng	668/QĐ-UBND ngày 12/9/2019	36.951	36.951			15.000	15.000	15.000													

STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)												Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Trong đó: KH năm 2021		Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP, TP chính quyền địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác)	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)			Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố			Tổng số	Tổng số						
(1)	Đường cứu hộ, cứu nạn các xã vùng lũ thuộc lưu vực sông Thương và sông Cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Yên Dũng	2019-2023	Cải tạo, nâng cấp 4 tuyến đường, chiều dài 12,74km	266/HĐND-THHT ngày 27/6/2016; 636/HĐND-TH ngày 14/9/2018; 315/HĐND-TH ngày 11/6/2019	99.608	708	98.900	57.000	40.000	14.600	20.000	20.000	17.000	20.000									Một số đoạn tuyến đã được đầu tư từ nguồn vốn GTNT hỗ trợ từ NST cho các h, tp
2.3.3	Huyện Lạng Giang																							
(1)	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Đại Lâm - An Hà (đoạn từ Km0+00-Km4+100), huyện Lạng Giang	UBND huyện Lạng Giang	2019-2020	Tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, chiều dài 4,1km	11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	92.198	28.150		14.600	14.600	14.600													Ngân sách tỉnh; ngân sách huyện
3	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					13.537.518	6.887.146	4.906.433	8.469.418	4.859.287	284.300	3.930.919	3.930.919	55.000	3.499.200							700.000		
3.1	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh																							
(1)	Cải tạo, nâng cấp ĐT292 (đoạn từ cầu Bồ Hạ đến thị trấn Phồn Xương) huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2021-2024	Quy mô cấp III đồng bằng, chiều dài toàn tuyến 9,74km, 01 cầu dài 92,5m.	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020; 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	158.135	600	157.535	133.300	133.300					133.300									
(2)	Xây dựng đường và cầu Hà Bắc 2 nối Tuyến nhánh 2, đường Vành đai IV với Khu công nghiệp Yên Phong và QL18, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2021-2024	Chiều dài tuyến 02km, trong đó: Phần đường dài 1.500,4m và 01 cầu dài 499,2m	39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	358.260	2.000	356.260	324.910	324.910					324.910									Vốn CBĐT năm 2021 là 1 tỷ đồng
(3)	Đường nối từ QL37-QL17-ĐT292 (đoạn Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang), tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2021-2024	Cấp III đồng bằng, chiều dài 18,25km, 01 cầu vượt sông thương dài 399,19m và 2 cầu nhỏ vượt kênh thoát nước	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020; 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	678.443	598.443	80.000	576.000	333.288		441.000	441.000	55.000	80.000									Đầu tư 02 nguồn vốn; Ngân sách tỉnh và ngân sách TW

STT	Dan mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)										Ghi chú					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Vốn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)			Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Trong đó: KII năm 2021	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021			Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Tổng số			Tổng số	Trong đó thu hồi ứng trước						
(4)	Cải tạo, nâng cấp ĐT291 trên địa bàn huyện Sơn Đông, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2021-2024	Quy mô cấp IV, chiều dài toàn tuyến 16,132km, 4 công trình cầu	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020; 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	370.314	1.500	368.814	312.700	312.700					312.700									
(5)	Cải tạo, nâng cấp ĐT298 (đoạn từ Đình Nêo đi Việt Yên)	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2021-2024	Quy mô cấp III đồng bằng; chiều dài 18km; 03 cầu	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020; 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	282.941	1.200	281.741	234.900	234.900					234.900									
(6)	Xây dựng đường và cầu kết nối huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với thị xã Phò Yên, tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ QL37 đến cầu Hòa Sơn)	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2021-2024	Chiều dài toàn tuyến 10,548km; cầu dài 439m; cấp III đồng bằng	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	557.933	2.000	555.933	459.600	459.600					459.600									
(9)	Đường nối QL37 - QL17 - Võ Nhại (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2021-2024	Tuyến chính dài 42,07 km (28,5km cấp III đồng bằng, 13,06km cấp III miền núi) và 7 cầu vượt kênh, suối; Tuyến nhánh dài 14,96km cấp III đồng bằng và 3 cầu nhỏ	39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	1.452.715	352.715	1.100.000	1.234.800	1.234.800	54.800	80.000	80.000		1.100.000									
(10)	Nút giao liên thông tại thị trấn Vôi với cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2022-2025	Tuyến nhánh chiều dài 3,31km, Bnch=8m; Đường gom 01 chiều dài 1,44km, cấp III đồng bằng; Đường gom 02 chiều dài 0,3km, Bnch=9,5m; 01 cầu vượt dân sinh; trạm thu phí; cấp điện; chiều	03/NQ-HĐND, 29/3/2021	211.147	211.147		181.000	181.000	79.000	102.000	102.000										Bỏ trừ vốn CBĐT năm 2021 700 triệu đồng	
(11)	Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An - QL31 - QL1 và tuyến nhánh hồ Suối Nứa - Khuôn Thản trên địa bàn huyện Lục Nam và Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2022-2025	Cấp III đồng bằng; tuyến chính 17,519km; tuyến nhánh 10,505km (01 cầu lớn vượt sông Lục Nam 227,35m; 01 cầu nhỏ vượt suối 90,75m)	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	937.839	4.689	933.150	797.160	535.040		262.120	262.120		535.040									

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)												Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm 16 TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Trong đó:		Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Tổng số				Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Tổng số									
(12)	Xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2022-2025	Cấp II đồng bằng, chiều dài 7,94km; phần cầu vĩnh cửu bằng kết cấu BTCT và BTCT DUL là 711 m; bề rộng toàn cầu B=23,5m	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	1.493.000	793.000	700.000															Kết hợp đầu tư từ ngân sách tỉnh, vượt thu, kết dư khác và TPCQBP giai đoạn 2021-2025	
(13)	Xây dựng cầu Như Nguyệt, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2022-2024	Phần cầu chiều dài 445m; phần đường 2 đầu dài 800m.	39/NQ-HĐND ngày 29/10/2021	456.327	456.327																	
(14)	Nâng cấp mở rộng đường nối từ ĐT293 đến QL17 tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2022-2025	5,3km	48/NQ-HĐND, 10/12/2021	573.000	573.000																	
(15)	Đầu tư tuyến đường kết nối từ ĐT295 đến QL37, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2022-2025	Chiều dài tuyến 3,2km, đường cấp III đồng bằng	39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 42/NQ-HĐND ngày 29/10/2021	126.721	126.721																	
(16)	Đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (đoạn từ KCN Yên Sơn- Bắc Lũng đến ĐT.293B quy hoạch) và ĐT.293B (đoạn từ Vành đai 5 đến QL.31)	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2022-2025	02 đoạn dài 9,6 km; cấp II đồng bằng	39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 48/NQ-HĐND, 10/12/2021	2.280.550	2.280.550																	
(17)	Đường kết nối từ ĐT.292 qua Khu công nghiệp An Hà, huyện Lạng Giang đến đường vành đai Đông Bắc, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2024-2026	15,4km; diện tích đất sử dụng 38ha; cấp III đồng bằng; 01 cầu vượt kênh	Nghị quyết 09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	409.957	409.957																	
3.2	<i>SỜ GTVT</i>																							

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)												Ghi chú												
					Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)																				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Trong đó: KII năm 2021	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP, TP chính quyền địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác)				Vốn ODA	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố								Tổng số	Tổng số	Trong đó thu hồi ứng trước	ODA do tỉnh vay lại	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương				
(1)	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đoạn từ thị trấn Nhà Nam đến thị trấn Phồn Xương, tỉnh Bắc Giang	Sở Giao thông Vận tải	2021-2022	Đường cấp III đồng bằng, chiều dài 5,3km	572/QĐ-UBND ngày 06/7/2020	64.922	64.922																						
3.3	Các huyện, thành phố																												
3.3.1	Huyện Yên Dũng																												
*	Hỗ trợ ngân sách huyện Yên Dũng																												
(1)	Xây dựng tuyến đường nối QL17-QL37 đoạn qua Khu đô thị Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Dũng	2020-2022	Dài 2,583 km; quy mô đường đô thị	19/NQ-HĐND ngày 20/4/2020 của HĐND huyện Yên Dũng	200.465	160.372																						Tính hỗ trợ 80% TMDT tại CV.1462/UBND-GT ngày 08/4/2020
(2)	Xây dựng tuyến đường cứu nạn và ứng phó với sự cố, thiên tai tại các xã vùng lũ thuộc lưu vực sông Thương, huyện Yên Dũng (ĐH.8B)	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Dũng	2022-2025	Cấp II đồng bằng; chiều dài đường 5,256 km và 01 cầu dài 479m	02/NQ-HĐND ngày 05/4/2021 của HĐND huyện Yên Dũng	784.367	30.000																						NS tỉnh hỗ trợ ngân sách huyện
3.3.2	Huyện Việt Yên																												
*	Hỗ trợ ngân sách huyện Việt Yên																												
(1)	Xây dựng tuyến đường kết nối đường Quốc lộ 17 với Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang qua KCN Yên Lư và KCN Văn Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Việt Yên	2021-2024	Quy mô cấp III đồng bằng, chiều dài 3,43km	27/NQ-HĐND 19, 29/5/2020 của HĐND huyện Việt Yên	170.663	85.332																						Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMDT
3.3.3	Huyện Lạng Giang																												

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trị theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)												Ghi chú				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		ODA do tỉnh vay lại	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để xây dựng năm 2022 + số tính điều tiết 30% (gồm 27% cho đầu tư và 3% Quỹ PT đất cho 3 năm 2023-2025)(*)				Tổng số	Tổng số			Trong đó thu hồi ứng trước							
(2)	Đường từ QL31 vào khu du lịch sinh thái Khe Rõ, xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Sơn Động	2022-2024	Tổng chiều dài 4,5km; mặt đường 9m; 3 ngầm	20/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND huyện Sơn Động	94.848	76.000			76.000		76.000	76.000											Ngân sách tỉnh hỗ trợ 76 tỷ đồng, còn lại là ngân sách huyện	
3.3.8	Huyện Lục Ngạn																								
(1)	Xây dựng cầu Đèo Gia di Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Lục Ngạn	2022-2025	01 cầu dài 330m và đường dẫn 2 bên là 1,17km (đường cấp III miền núi)	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	180.000	1.000	179.000		153.000		153.000			153.000										Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 700 triệu đồng
3.3.9	Huyện Lục Nam																								
(1)	Xây dựng tuyến đường nối từ QL37 đi QL31 (Đoạn từ cầu Sen đi cầu Giã Khê), thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Nam	2021-2025	Chiều dài 5,5km; nền đường rộng 27m, mặt đường rộng 15m	66/NQ-HĐND ngày 06/8/2021 của HĐND huyện Lục Nam	220.300	110.000			110.000		110.000	110.000												Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% của TMDT, còn lại là ngân sách huyện
VII	NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ PTNT					3.700.755	976.555	2.186.950	422.850	1.572.431	1.505.966	296.125	384.412	384.412		758.810	414.110	82.620	6.778			43.000	686		
I	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước năm 2021					1.469.321		1.469.321		414.110	414.110				414.110	414.110									
(1)	Dự án Di dân tái định cư Trường bản Quốc gia khu vực 1 tỉnh Bắc Giang	Chi cục Phát triển Nông thôn	2005-2015	Di dân 12.035 nhân khẩu, xây dựng CSHT; đối tượng hộ nghèo, cận nghèo vay PTSX; TH6/2005-6/2015; quyết toán QĐ 1178/QĐ-UBND, 28/7/2016 (quyết toán 1.328,252 tỷ đ)	2177/QĐ-CT ngày 19/12/2005; 2201/QĐ-UBND ngày 24/12/2008	1.372.358		1.372.358		398.110	398.110				398.110	398.110									Thu hồi ứng trước giai đoạn 2016-2020 theo Văn bản số 4656/VPCP-KTTH ngày 08/5/2017
(2)	Di dời khẩn cấp lòng hồ Cẩm Sơn, thôn Na Hem xã Hộ Đáp huyện Lục Ngạn	Chi cục Phát triển Nông thôn	2011-2015	Di chuyển 41 hộ, ổn định 243 hộ	611/QĐ-UBND ngày 19/5/2011; 1583/QĐ-UBND ngày 02/11/2011	52.385		52.385		6.000	6.000				6.000	6.000									Bỏ trị để thu hồi vốn ứng trước giai đoạn 2016-2020

STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)												Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Trong đó: KII năm 2021		Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021			Vốn từ nguồn thu tiền SDD để điều tiết NST (bảng số đã điều tiết năm 2021 + số đã xây dựng năm 2022 + số tính điều tiết 30% (gồm 27% cho đầu tư và 3% Quỹ PT đất cho 3 năm 2023-2025)(*)	Tổng số			Tổng số	Trong đó thu hồi ứng trước						
(3)	Dự án sắp xếp và ổn định dân cư vùng sạt lở xã Thăng Cương, huyện Yên Dũng	Chi cục Phát triển Nông thôn	2009-2010	Di dời 209 hộ dân	477/QĐ-UBND; 1670/QĐ-UBND, 29/9/2009	44.578	44.578	10.000	10.000						10.000	10.000							Bỏ trừ để thu hồi vốn ứng trước giai đoạn 2016-2021	
2	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					1.052.890	250.138	379.902	422.850	231.620	224.156	64.536			77.000	82.620	6.778				686			
2.1	Ban QLDA ĐTXD CCT NN&PTNT tỉnh																							
(1)	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Trúc Núi	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2020-2022	Tiêu 710ha, tưới 1.425ha	91/QĐ-UBND ngày 12/02/2020	41.362	41.362	17.600	17.600	17.600													Kết hợp với nguồn vốn đất lúa	
(2)	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Cầm	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2020-2022	Tiêu 267 ha, tưới 74,8 ha	92/QĐ-UBND ngày 12/02/2020	27.439	27.439	11.300	11.300	11.300													Kết hợp với nguồn vốn đất lúa	
(3)	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Tân Tiến	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2020-2022	Tiêu 270ha, tưới 175 ha	93/QĐ-UBND ngày 12/02/2020	27.439	27.439	11.300	11.300	11.300													Kết hợp với nguồn vốn đất lúa	
(4)	Dự án: Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Ngô Không II	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2020-2022	Tiêu thoát nước cho 1.550ha	99/QĐ-UBND ngày 13/02/2020	20.374	20.374	5.000	5.000	5.000														
(5)	Cải tạo, nâng cấp công Đại La, đê tá Cầu, huyện Hiệp Hòa	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2020-2022	Phá bỏ công cũ, xây công mới; tiêu nước cho 2.300ha; cải tạo, nâng cấp và gia cố 215m kênh	308/QĐ-UBND ngày 15/4/2020; 446/QĐ-UBND ngày 03/6/2020	46.774	500	46.274	25.000	25.000					25.000									

STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KCHT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)													Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xố số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Trong đó: KH năm 2021	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương		Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để điều tiết NST (bảng số đã xây dựng năm 2022 + số tính điều tiết 30% cho đầu tư và 3% Quỹ PT đất cho 3 năm 2023-2025)(*)				Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Tổng số									
(6)	Cải tạo, nâng cấp công Yên Ninh, đê tá Cầu, huyện Hiệp Hòa	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2020-2022	Phá bỏ công cũ, xây công mới, tiêu nước cho 9.500ha	309/QĐ-UBND ngày 15/4/2020; 447/QĐ-UBND ngày 03/6/2020	49.746	500	49.246	28.686	28.000						28.000					686,185	Vốn kết dư năm KH 2020 bổ sung KH 2021 là 686,185 triệu đồng		
(7)	Tu bổ chống sạt lở để điều hệ thống đê cấp III trên địa bàn huyện Tân Yên từ K6+000 đến K14+700 đê hữu sông Thương	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2020-2022	Hoàn thiện mặt cắt, gia cố 6,7km đê; đường nối tuyến đê với cầu Bến Tuần dài 200m; kê lát mái phía sông, gia cố chân kê dài 1.135m	307/QĐ-UBND ngày 15/4/2020; 449/QĐ-UBND ngày 03/6/2020	79.941	500	79.441	24.000	24.000						24.000								
(8)	Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ đập (WB8) tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2016-2022	Sửa chữa, nâng cấp 11 hồ chứa, cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh	1858/QĐ-TTg, 05/11/2015; 4638/QĐ-BNN-HTQT, 09/11/2015	224.690	11.920	212.770	72.790	67.820	5.200						62.620	4.970						
2.2	Sở NN&PTNT																							
(1)	Đầu tư hỗ trợ đời sống, sản xuất cho hộ tái định cư và công đồng dân số tại của một số xã có tiếp nhận dân tái định cư thuộc dự án di dân tái định cư Trường bản quốc gia khu vực I	Chi cục Phát triển Nông thôn tỉnh	2016-2020 và gia hạn hết năm 2022	365 hộ tái định cư; công trình hạ tầng GT, TL, giao dục	2157/BKHDT-KTĐP ngày 11/4/2014	257.856	52.915	204.941	10.000	10.000	10.000													
(2)	Chương trình Mở rộng Quy mô vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	TT Nước sạch và VSMNT; Sở GD&ĐT; TT KSBT tỉnh	2016-2022	Xây dựng các công trình cấp nước sạch, vệ sinh nông thôn, vệ sinh trường học	3606/QĐ-BNN-HTQT, 04/9/2015; 3102/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/7/2016	277.269	67.189	210.080	25.943	24.135	4.135					20.000	1.808					Chi tiết của Chương có các tiểu dự án thực hiện theo KH hàng năm		
3	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					1.178.544	726.417	337.727	926.701	867.701	231.589	384.412	384.412			267.700					43.000			
3.1	Các dự án lâm nghiệp																							
*	Sở NN&PTNT																							

STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trị theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)												Ghi chú				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Trong đó: ODA do tỉnh vay lại	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố				Tổng số	Tổng số			Trong đó thu hồi ứng trước							
(1)	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bắc Giang	2021-2024	Trồng rừng 200ha; chăm sóc 789ha, xây dựng 3 chòi canh, CCDC PCCC rừng	39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	75.560	15.560	60.000	64.000	64.000	13.000					51.000								Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 500 triệu đồng	
3.2	Đầu tư các dự án đề điều, thủy lợi, thủy sản																								
*	Ban QLDA ĐTXD CCT NN&PTNT tỉnh																								
(1)	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Khám Lạng	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2021-2023	Tiêu chủ động cho 1.075ha, tưới 370ha	706/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	76.741	76.741		68.000	68.000	9.189	58.811	58.811												
(2)	Xây dựng Trạm bơm Ngòi Mãn, xã Yên Sơn, huyện Lục Nam	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2021-2023	Đảm bảo tiêu nước chủ động cho 900ha	707/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	77.174	77.174		68.800	68.800	9.000	59.800	59.800												
(3)	Xây mới trạm bơm công Rụt, xã Song Mai, TP Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2021-2023	Tiêu nước chủ động cho 383ha	704/QĐ-UBND ngày 11/8/2020; 284/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	38.994	38.994		27.400	27.400	27.400														
(4)	Xây dựng mới trạm bơm công Chấn	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2021-2024	Công suất 162.000m ³ /h, tiêu 10.100ha cho lưu vực sông Cầu Lả trong đó 806,5ha đất KCN, CCN	39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	474.368	449.368	25.000	402.500	402.500	165.000	212.500	212.500			25.000									Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 2.000 triệu đồng
(5)	Cải tạo, nâng cấp Hệ thống kênh tiêu thoát nước khu công nghiệp Đình Trám	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2020-2021	Đảm bảo tiêu thoát cho 1.044ha	1042/QĐ-UBND ngày 12/11/2020	10.474	10.474		8.000	8.000	8.000														

STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trị theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)											Ghi chú						
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Trong đó: KII năm 2021	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để xây dựng năm 2022 + số tính điều tiết 30% (gồm 27% cho đầu tư và 3% Quỹ PT đất cho 3 năm 2023-2025)(*)				Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Tổng số										Tổng số	Trong đó thu hồi ứng trước
(6)	Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, gồm các hồ: Đá Ong, Cầu Rễ, Suối Cây; đập Thác Huồng, Đá Gân và đập dâng sông Sỏi	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Sông Thương	2021-2023	Cắm mốc chỉ giới, lập đất TB và quan trắc đập, hồ chứa nước; các trạm đo mực nước hồ, giám sát, tích hợp dữ liệu quan trắc	1121/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	18.256	18.256		16.400	16.400		16.400	16.400											Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 200 triệu đồng		
(7)	Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, gồm các hồ: Cẩm Sơn, Khuôn Thân, Suối Nứa; đập dâng Cầu Sơn	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Sông Thương	2021-2023	Cắm mốc chỉ giới, lập đất TB và quan trắc đập, hồ chứa nước; các trạm đo mực nước hồ, giám sát, tích hợp dữ liệu quan trắc	1122/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	23.250	23.250		20.900	20.900		20.900	20.900												Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 200 triệu đồng	
(8)	Xử lý cấp bách công Trạng, K30+100 đê hữu Thương	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2021-2022	Phá bỏ công cũ, xây mới công Trạng tại vị trí cách công cũ 12m về phía thượng lưu (tại K30+088 đê hữu Thương)	493/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	8.626		8.626	8.000													8.000				
(9)	Xử lý cấp bách công Chỗ, K16+900 đê tả Thương	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2021-2022	Phá bỏ công cũ, xây mới công Chỗ tại vị trí công cũ K16+900 đê tả Thương	494/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	14.935		14.935	14.000														14.000			
(10)	Xử lý cấp bách công De, K42+250 đê Tả Cầu	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2021-2022	Phá bỏ công cũ, xây mới công De tại vị trí công cũ K42+250 đê Tả Cầu	495/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	8.866		8.866	8.000														8.000			
(11)	Xử lý cấp bách công Xuân Thành, K35+500 đê Tả Cầu	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	2021-2022	Phá bỏ công cũ, xây mới công Xuân Thành tại vị trí công cũ K35+500 đê Tả Cầu	496/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	13.640		13.640	13.000														13.000			
3.3	Các huyện, thành phố																									
	Huyện Lục Ngạn																									

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)										Ghi chú						
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)			Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Trong đó: KII năm 2021	ODA do tỉnh vay lại	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021			Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Tổng số			Tổng số	Trong đó thu hồi ứng trước							
(1)	Xây dựng, cải tạo hạ tầng thiết yếu vùng trồng cây ăn quả tập trung có giá trị kinh tế cao huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Lục Ngạn	2021-2024	Xây dựng 5 tuyến đường giao thông, dài 13,85km	185/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; 03/NQ-HĐND ngày 29/3/2021	148.800	400	107.000	107.000	107.000						107.000							Vốn NS huyện đối ứng		
Huyện Yên Dũng																									
(1)	Kênh tiêu thoát lũ Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Yên Dũng	2021-2024	Cải tạo, nâng cấp kênh, chiều dài 8.359,34m; 11 cầu qua kênh; cứng hóa mặt kênh 200,6m; đường GT 2.304,12m	265/HĐND-THTT, 27/6/2016; 39/NQ-HĐND, 09/12/2020	129.860	200	99.660	84.700	84.700						84.700									
Huyện Sơn Động																									
(1)	Xử lý khẩn cấp kè sông An Châu, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Sơn Động	2022-2024	Kè sát lờ, bờ sống, kết hợp đường dẫn sinh	812/QĐ-UBND, 06/12/2021	59.000	16.000		16.000	16.000														Hỗ trợ NS huyện	
VIII	ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CỤM CÔNG NGHIỆP; CÔNG NGHIỆP, ĐIỆN							114.000	119.180	119.180	28.000					91.180	1.980								
1	Bổ trí thu hồi khoản ứng trước							9.000	1.980	1.980						1.980	1.980								
1.1	Tiểu dự án hệ thống cấp nước sạch KCN Đình Trám thuộc Dự án hạ tầng KCN Đình Trám	Công ty TNHH MTV CTN Bắc Giang (Nay là CT CP Nước sạch Bắc Giang)	2009-2010	5.000m3/ngày đêm	1484/QĐ-UBND, 28/8/2009	9.000		9.000	1.980	1.980						1.980	1.980								
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							105.000	117.200	117.200	28.000					89.200									

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)										Ghi chú					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Trong đó: KII năm 2021	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021			Vốn từ nguồn thu tiền SDD để xây dựng năm 2022 + số tỉnh điều tiết 30% (gồm 27% cho đầu tư và 3% Quỹ PT đất cho 3 năm 2023-2025)(*)	Tổng số										Tổng số
2.1	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía Bắc) giai đoạn 2	Công ty CP Phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang	2021-2024	Xây mới HT xử lý nước thải KCN SK-NH, công suất 8.000m3/ngày đêm	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	123.500	105.000		89.200	89.200					89.200								Kết hợp cùng nguồn nguồn thu khác của Công ty TNHH HT KCN đối ứng.	
2.2	Lập bản đồ, cắm mốc hướng tuyến đường dây và trạm biến áp 110kV trở lên giai đoạn 2021-2030	Sở Công thương	2024-2025	Lập bản đồ, số hóa các góc tuyến đường dây và 4 góc trạm biến áp; cắm mốc hướng tuyến đường dây và trạm biến áp 110kV trở lên	728/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	31.062	31.062		28.000	28.000	28.000													
IX	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH; THANH THIẾU NIÊN					697.775	570.498	127.277	588.600	588.600	21.000	459.600	459.600		108.000									
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					133.000	5.723	127.277	108.000	108.000					108.000									
1.1	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế tại tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 1)	Sở VH, TT&DL	2019-2022	Phục dựng, xây mới, tu bổ, tôn tạo 5 cụm di tích	2263/BC-BKHDT, 30/3/2016; 916/BKHDT-TH, 05/2/2016; 1732/QĐ-TTg, ngày 6/9/2016; 444/TT-UBND, 16/9/2021	133.000	5.723	127.277	108.000	108.000					108.000									
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					564.775	564.775		480.600	480.600	21.000	459.600	459.600											
2.1	Sở VH, TT&DL																							
(1)	Cải tạo Nhà tập luyện, nhà thi đấu thể dục thể thao	Sở VH, TT&DL	2021-2022	Cải tạo, sửa chữa	653/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	6.835	6.835		5.000	5.000	5.000													

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trị theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)														Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:			Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Trong đó: KII năm 2021	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP, TP chính quyền địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác)	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)			Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để điều tiết NST (bảng số đã xây dựng năm 2022 + số tỉnh điều tiết 30% (gồm 27% cho đầu tư và 3% Quỹ PT đất cho 3 năm 2023-2025)(*)	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố							Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)		Tổng số	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)
(2)	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Triển lãm tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2022-2025	Nhà biểu diễn đa năng 1.200 chỗ; Tô hợp VH 1.120m ² ; Quảng trường VH ngoài trời; và khối nhà quản lý, điều hành	18/NQ-HĐND, 10/8/2021	540.769	540.769			459.600	459.600		459.600	459.600											Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 800 triệu đồng
2.2	Tỉnh đoàn Bắc Giang																								
(1)	Đầu tư xây dựng cải tạo Nhà văn hóa Thiểu nhi tỉnh Bắc Giang	Tỉnh đoàn Bắc Giang	2022-2023	Cải tạo, sửa chữa	633/QĐ-UBND ngày 25/6/2021	17.171	17.171			16.000	16.000	16.000													Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 250 triệu đồng
X	LĨNH VỰC Y TẾ					2.807.960	2.253.700	463.540	65.720	1.778.400	1.478.427	317.700	656.027	656.027	299.973	140.000	364.700								
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					1.400.338	1.320.863	54.475		641.000	381.027		331.027	331.027	259.973	50.000									
*	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh																								
(1)	Khởi nhà trung tâm, khối nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2018-2022	Xây mới 3 khối nhà 15 tầng, 7 tầng và 5 tầng	535/HĐND-TH ngày 06/8/2018; 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	795.438	770.438			285.000	195.027		145.027	145.027	89.973	50.000									Vốn từ nguồn thu để lại bệnh viện Đa khoa tỉnh là 25 tỷ đồng đối ứng thực hiện dự án
(2)	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2017-2021	Xây dựng khối nhà 9 tầng, diện tích sàn 8.896m ²	147b/HĐND-THIT ngày 31/3/2016	64.475	10.000	54.475		8.000				8.000											
(3)	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Tân Yên	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2019-2022	Nhà khoa khám bệnh, điều trị nội trú cao 7 tầng, diện tích sàn 10.500m ²	11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	148.655	148.655			100.000	50.000		50.000	50.000	50.000										
(4)	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2019-2022	Nhà hành chính và điều trị nội trú cao 9 tầng, diện tích sàn 12.200m ²	11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	171.356	171.356			115.000	60.000		60.000	60.000	55.000										

STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ đi theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)												Ghi chú				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Theo số vốn NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		ODA do tỉnh vay lại	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Tổng số				Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Tổng số			Tổng số	Trong đó thu hồi ứng trước						
(5)	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2019-2022	Nhà hành chính và điều trị nội trú cao 7 tầng, diện tích sàn 7.750m ²	11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	118.329	118.329			70.000	35.000			35.000											
(6)	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Phục hồi chức năng Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2019-2022	Nhà điều trị nội trú và khu tập luyện vận động, diện tích sàn 6.500m ²	11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	102.085	102.085			63.000	41.000			41.000											
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					1.407.622	932.837	409.065	65.720	1.137.400	1.097.400	317.700	325.000	325.000	40.000	90.000	364.700								
2.1	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh																								
(1)	Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Ung bướu	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2021-2023	Khối nhà 8 tầng, diện tích 8.400m ² , công trình cấp II	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	149.455	149.455			127.000	107.000	30.000	77.000	77.000											
(2)	Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Việt Yên	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2021-2023	Khối nhà 7 tầng, diện tích sàn 10.150m ² , công trình cấp II	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	164.442	164.442			140.000	120.000	30.000	60.000	60.000	20.000	30.000									
(3)	Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2021-2023	Xây dựng mới khối nhà khám bệnh và điều trị nội trú: Nhà cao 7 tầng, diện tích sàn 7.350m ²	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020; 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	139.677	1.000	138.677		117.300	117.300						117.300								
(4)	Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Yên Dũng	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2021-2023	Xây dựng mới khối nhà hành chính và điều trị nội trú: Nhà cao 8 tầng, diện tích sàn 9.400m ²	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020; 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	150.588	1.000	149.588		126.600	126.600						126.600								
(5)	Xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2022-2024	Xây dựng mới 2 khối nhà 5 tầng, diện tích sàn 11.782m ²	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	205.146	84.346	120.800		174.300	174.300	28.500	25.000	25.000			120.800								Bỏ trị vốn CBHT năm 2021 là 400 triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trị theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)											Ghi chú						
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)			Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Tổng số				Vốn từ nguồn thu tiền SDD để xây dựng năm 2022 + số tính điều tiết 30% (gồm 27% cho đầu tư và 3% Quỹ PT đất cho 3 năm 2023-2025)(*)	Tổng số			Tổng số	Trong đó thu hồi ứng trước							
																									Tổng số	Trong đó: KH năm 2021
(6)	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Nam	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2022-2024	Xây dựng mới khối nhà 9 tầng, diện tích sàn 12.780m ²	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	219.708	219.708		186.700	186.700	111.700	45.000	45.000		30.000										Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 400 triệu đồng	
(7)	Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Sơn Động	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2023-2025	Xây dựng mới khối nhà điều trị nội trú: Nhà cao 4 tầng, diện tích sàn 4.580m ² ; xây mới khối nhà khoa lấy nhiễm: Nhà 01 tầng, diện tích sàn 200m ²	18/NQ-HĐND ngày 10/8/2021	120.638	120.638		102.500	102.500	102.500															
(8)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2023-2026	Khởi nhà 07 tầng, 01 tầng bán hầm, ĐTXD 13.662m ² ; khởi nhà cao 03 tầng, ĐTXD 1.415m ² ; các hạng mục phụ trợ	18/NQ-HĐND ngày 10/8/2021	186.000	186.000		158.000	158.000	10.000	118.000	118.000		30.000											
2.2	Sở Y tế																									
(1)	Xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các trạm y tế xã thuộc Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2021-2025	Xây mới 5 trạm y tế và sửa chữa, nâng cấp 17 trạm y tế	6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018; 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019	71.968	6.248	65.720	5.000	5.000	5.000														Nhà tài trợ: ADB. Theo CV 9813/BKHĐT-KTNN ngày 31/12/2019 của BKH, DA chưa được BS KH trung hạn 2016-2020 nên xem xét thực hiện trong giai đoạn 2021-2025	
XI	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ					31.466	31.466		28.000	28.000	28.000															
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					31.466	31.466		28.000	28.000	28.000															
(1)	Dự án Nâng cao năng lực Trung tâm ứng dụng khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2023	Sở KH&CN	2022-2023	Đầu tư cơ sở vật chất và TTB	766/QĐ-UBND, ngày 27/7/2021	31.466	31.466		28.000	28.000	28.000														Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 200 triệu đồng	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)										Ghi chú						
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	ODA do tỉnh vay lại	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Tổng số				Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Tổng số			Tổng số							Trong đó thu hồi ứng trước
XII	LĨNH VỰC GIÁO DỤC - GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP					843.370	707.559	129.400		596.823	555.442	444.042													
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					289.177	289.177			133.323	91.942	91.942													
*	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh																								
(1)	Xây dựng mới Trường Chính trị tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2019-2023	Xây dựng mới Trường Chính trị tỉnh trên khu đất diện tích 4ha.	11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; 31/NQ-HĐND ngày 11/12/2019	150.000	150.000			82.622,582	46.241,582	46.241,582												KH năm 2021 được bổ sung 16,381 tỷ đồng từ vốn dự chuyển từ năm 2020 sang 2021	
(2)	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường THPT Lý Thường Kiệt, THPT Hiệp Hòa số 3, THPT Hiệp Hòa số 4	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2019-2021	Xây mới các nhà lớp học, nhà đa năng, thư viện với tổng diện tích sàn 4.572m2	60/QĐ-UBND, 24/01/2019	33.610	33.610			8.200	8.200	8.200													
(3)	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường THPT Lạng Giang số 2, THPT Lạng Giang số 3	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2019-2021	Xây mới các nhà lớp học với tổng diện tích sàn 3.085m2	61/QĐ-UBND, 24/01/2019	22.007	22.007			6.500	6.500	6.500													
(4)	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường THPT Lục Ngạn số 4 và Trung tâm GDNN-GDTX Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2019-2021	Xây mới các nhà lớp học, nhà công vụ với tổng diện tích sàn 5.188m2	62/QĐ-UBND, 24/01/2019; 334/QĐ-UBND ngày 24/4/2020	40.787	40.787			16.000	16.000	16.000													
(5)	Nhà ký túc xá, nhà ăn và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Chuyên Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2019-2021	Nhà KTX 4 tầng, diện tích sàn 3.670m2; Nhà ăn 2 tầng, diện tích sàn 768m2	11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	42.773	42.773			20.000	15.000	15.000	5.000												

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trị theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)										Ghi chú							
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)			Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Trong đó: KII năm 2021	ODA do tỉnh vay lại	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách TW khác)	Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021			Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Tổng số			Tổng số	Trong đó thu hồi ứng trước								
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					538.382	418.382	120.000		454.100	454.100	352.100					102.000									
2.1	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang																									
(1)	Dự án Xây dựng khu giảng đường phục vụ học lý thuyết và chương trình Giáo dục thường xuyên; Nhà ký túc xá số 2 Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang	2021-2024	Xây mới Nhà giảng đường 4 tầng, tổng diện tích sàn 11.063m ² ; xây mới Nhà KTX số 2 cao 4 tầng, diện tích 4.344 m ² ; hạng mục phụ trợ và thiết bị	39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	121.982	1.982	120.000		102.000	102.000						102.000									Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 700 triệu đồng
2.2	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh																									
(1)	Nhà khảo thí để làm thi và in sao đề thi; Nhà ký túc học sinh Trường PTDT nội trú tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2021-2022	Nhà in sao đề 05 tầng, diện tích xây dựng 2.288m ² ; nhà KTX Trường PTDT nội trú tỉnh 04 tầng, diện tích xây dựng 3.069m ²	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	53.996	53.996			45.500	45.500	45.500														
(2)	Nhà ăn, nhà lớp học, nhà ký túc xá Trường PTDT nội trú huyện Sơn Đông; Nhà đa năng Trường THPT Sơn Đông số 3; Nhà hành chính Trường THPT Sơn Đông số 2	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2021-2022	Nhà KTX 4 tầng, nhà ăn 2 tầng, nhà lớp học 3 tầng 9 phòng; nhà đa năng 01 tầng; nhà hành chính 3 tầng và các hạng mục phụ trợ	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	51.325	51.325			43.000	43.000	43.000														

STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trị theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)												Ghi chú						
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm 16 TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:				Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Trong đó: KII năm 2021		Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách TW khác và hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Vốn bổ sung cho đầu tư từ nguồn thu tiền SDD điều tiết NST (bảng số đã điều tiết năm 2021 + số đã xây dựng năm 2022 + số tính điều tiết 30% (gồm 27% cho đầu tư và 3% Quỹ PT đất cho 3 năm 2023-2025)(*)				Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng số								Tổng số	Trong đó thu hồi ứng trước	
(3)	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, DTNT trên địa bàn huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2022-2024	Xây dựng 5 nhà học bộ môn, diện tích sàn 11.764m ² ; 01 nhà đa năng, diện tích sàn 1.063m ² ; 01 nhà ăn học sinh và bếp, diện tích sàn 1.049m ² ; các hạng mục phụ trợ	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	105.446	105.446		89.000	89.000	89.000															Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 350 triệu đồng	
(4)	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2023-2025	Xây dựng 2 nhà học văn hóa, bộ môn, phòng chức năng, diện tích sàn 8.041m ² ; 1 nhà đa năng, diện tích sàn 653m ² ; các hạng mục phụ trợ	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	70.996	70.996		60.000	60.000	60.000																
(5)	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn huyện Lạng Giang, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2023-2025	Xây dựng 5 khối nhà lớp học văn hóa, bộ môn, diện tích sàn 15.704m ² ; các hạng mục phụ trợ	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	134.637	134.637		114.600	114.600	114.600																
3	Chương trình kiên cố hóa trường lớp học (dự án được thẩm định vốn TPCP giai đoạn 2016-2020)					15.811			9.400	9.400	9.400								9.400								
3.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					15.811			9.400	9.400	9.400								9.400								
(1)	Đầu tư xây dựng phòng học trường mầm non, tiểu học huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Thế	2020-2022	Xây dựng 8 phòng học khối tiểu học; 15 phòng học khối mầm non tại 4 xã ĐBKK	535/QĐ-UBND, 30/8/2019; 353/QĐ-UBND, 11/5/2021 UBND h.Y Thế	15.811		9.400	9.400	9.400	9.400								9.400								Đã được thẩm định trong 10% dự phòng TPCP trung hạn GD 2016-2020; vốn ngân sách huyện đối ứng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trị theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)											Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:			Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Trong đó: ODA do tỉnh vay lại		Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP, TP chính quyền địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác)	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)			Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để xây dựng năm 2022 + số tính điều tiết 30% (gồm 27% cho đầu tư và 3% Quỹ PT đất cho 3 năm 2023-2025)(*)								
XIII	LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - HỆ THỐNG CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI					44.484	44.484			39.700	39.700	39.700											
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					44.484	44.484			39.700	39.700	39.700											
(1)	Xây dựng Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 1)	Sở Lao động, TB&XH	2021-2023	Quy mô giai đoạn 1: 100 đối tượng	696/QĐ-UBND ngày 09/8/2020	44.484	44.484			39.700	39.700	39.700											
XIV	LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH					332.832	126.832	206.000		286.200	250.300	56.300	35.900	35.900			194.000						
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					45.011	9.011	36.000		30.000	30.000	6.000					24.000						
(1)	Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Giang	Sở Thông tin truyền thông	2019-2023	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng, TTB hệ thống TB mạng, máy chủ, hệ thống lưu trữ, phần mềm hệ thống, phần mềm lõi	81/HDND-THTT ngày 23/2/2016; 142/QĐ-UBND ngày 11/3/2016	45.011	9.011	36.000		30.000	30.000	6.000				24.000							
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					287.821	117.821	170.000		256.200	220.300	50.300	35.900	35.900			170.000						
2.1	VP UBND tỉnh																						
(1)	Đầu tư Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Bắc Giang (Giai đoạn 1)	VP UBND tỉnh	2022-2025 (chuyển năm 2023 KCM)	Mua sắm hệ thống trang thiết bị máy chủ, camera, hệ thống phần mềm, các thiết bị đầu cuối...	1123/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	44.500	44.500			40.000	40.000	40.000											Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 400 triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trị theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)										Ghi chú				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Vốn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Trong đó: ODA do tỉnh vay lại	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021			Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Tổng số									
(2)	Nâng cấp Trung tâm giám sát, điều hành thông minh gắn với chuyển đổi số trong chỉ đạo, điều hành chính quyền các cấp tỉnh Bắc Giang	VP UBND tỉnh	2022-2025 (chuyên năm 2023 KCM)	Trang bị phần cứng cho 7 phòng giám sát, điều hành thông minh tại 7 Sở; phần cứng cho 19 phòng làm việc của lãnh đạo; hệ thống phần mềm	14/NQ-HDND ngày 29/6/2021	91.597	6.597	85.000	85.000	85.000					85.000							Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 350 triệu đồng	
2.2	Sở Thông tin và Truyền thông																						
(1)	Xây dựng trung tâm dữ liệu chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025	Đầu tư hệ thống thiết bị cho phòng máy trung tâm; hệ thống thiết bị máy chủ; hệ thống phần mềm	14/NQ-HDND ngày 29/6/2021	100.000	15.000	85.000	85.000	85.000					85.000							Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 350 triệu đồng	
2.2	Đài PT&TH tỉnh																						
(1)	Đầu tư xây dựng Trung tâm truyền dẫn phát sóng – Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang	Đài PT&TH tỉnh	2021-2022	Xây dựng mới khối nhà trung tâm 2 tầng 922 m ² , các hạng mục phụ trợ và hệ thống thiết bị truyền dẫn	695/QĐ-UBND ngày 09/8/2020	11.764	11.764		10.300	10.300	10.300												
(2)	Đầu tư hệ thống trang thiết bị kỹ thuật công nghệ cao phục vụ chuyển đổi số của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang	Đài PT&TH tỉnh	2023-2024	Ha tầng và trang thiết bị kỹ thuật	1303/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	39.960	39.960		35.900	35.900	35.900												
XV	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG, AN NINH					1.046.200	380.546	158.087	378.019	378.019	86.121	291.898	291.898										
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					265.185	43.618		44.800	44.800	33.100	11.700	11.700										
(1)	Hỗ trợ GPMB dự án Trại giam thuộc Công an tỉnh Bắc Giang (Phần Khu trại giam Cầu Lường, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang)	Công an tỉnh	2016-2019; điều chỉnh 2023-2025	BT GPMB 5.17ba	1228/QĐ-TTg, 15/7/2021; 3885a/H01-P3, ngày 06/8/2021	189.725	33.700		33.100	33.100	33.100											Hỗ trợ GPMB, đối ứng NSTW - Vốn Bộ CA	

STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)										Ghi chú									
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Trong đó: KII năm 2021	ODA do tỉnh vay lại	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)				Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố											Tổng số	Tổng số	Trong đó thu hồi ứng trước
(2)	Đầu tư xây dựng công trình Cơ sở làm việc Công an huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (Hỗ trợ BTGPMB)	Công an tỉnh	2020-2023	93 CBCS và giam giữ 20 can, phạm nhân	4750/QĐ-BCA-H01, 24/6/2019; 269/UBND-TH, 07/12/2018	75.460	9.918		11.700	11.700		11.700	11.700											Hỗ trợ GPMB, đối ứng NSTW - Vốn Bộ CA.				
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					781.015	336.928	158.087	333.219	333.219	53.021	280.198	280.198															
2.1	Bộ CHQS tỉnh																											
(1)	Xây dựng Nhà khách Bộ CHQS tỉnh Bắc Giang/Quân khu 1	Bộ CHQS tỉnh	2020-2021	Xây dựng nhà khách Bộ CHQS tỉnh và các hạng mục phụ trợ, DT sàn 3.220m2	2202/QĐ-BQP, 14/7/2020; 97/UBND-TH, 23/4/2020 UBND tỉnh	49.000	25.000		25.000	25.000		25.000	25.000											Đối ứng NSTW - Vốn của Bộ QP				
(2)	Xây dựng Kho vũ khí đạn (Đại đội 29)/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Giang	Bộ CHQS tỉnh	2021-2024	KVKĐ và hạ tầng phụ trợ	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	225.838	67.751	158.087	71.169	71.169	48.021	23.148	23.148											BTGPMB, đối ứng vốn khác từ NSTW; vốn CBĐT năm 2021 là 400 triệu đồng				
(3)	Xây dựng HTU CAT	Bộ CHQS tỉnh			255/QĐ-UBND, 29/11/2021	44.500	44.500		40.050	40.050		40.050	40.050															
2.2	Công an tỉnh																											
(1)	Hỗ trợ GPMB dự án Cơ sở làm việc Công an huyện Lạng Giang	Công an tỉnh	2021-2024	Đảm bảo CSVC cho 157 cán bộ chiến sĩ	9489/QĐ-BCA-H01, 11/11/2020	86.000	8.000		8.000	8.000		8.000	8.000											Hỗ trợ GPMB, đối ứng NSTW - Vốn Bộ CA.				
(2)	Nhà bếp ăn Công an tỉnh Bắc Giang	Công an tỉnh	2021-2022	Nhà cao 2 tầng, diện tích sàn 930m2, đáp ứng nơi ăn cho 256 CBCS; thiết bị đồ dùng; hạng mục phụ trợ	282/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	7.677	7.677		5.000	5.000	5.000													Bỏ trừ vốn CBĐT năm 2021 là 250 triệu đồng				

STT	Dan mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)											Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Trong đó: KII năm 2021		Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách địa phương	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP, TP chính quyền địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác)	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)				Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)								
(3)	Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (hỗ trợ từ ngân sách tỉnh 01 tỷ đồng/xã)	Công an tỉnh	2021-2025	184 cơ sở làm việc công an xã, thị trấn	1233/QĐ-UBND, 21/6/2021	368.000	184.000			184.000	184.000											Hỗ trợ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện, xã, đồng thời ngân sách cấp huyện, xã đối ứng bổ sung thực hiện	
	Thành phố Bắc Giang			5 trụ sở		5.000				5.000	5.000												
	Huyện Việt Yên			16 trụ sở		16.000				16.000	16.000												
	Huyện Hiệp Hòa			25 trụ sở		25.000				25.000	25.000												
	Huyện Yên Dũng			16 trụ sở		16.000				16.000	16.000												
	Huyện Lạng Giang			21 trụ sở		21.000				21.000	21.000												
	Huyện Tân Yên			20 trụ sở		20.000				20.000	20.000												
	Huyện Yên Thế			18 trụ sở		18.000				18.000	18.000												
	Huyện Lục Nam			23 trụ sở		23.000				23.000	23.000												
	Huyện Lục Ngạn			27 trụ sở		27.000				27.000	27.000												
	Huyện Sơn Động			13 trụ sở		13.000				13.000	13.000												
XVI	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC					709.751	709.751			603.000	603.000	10.000	593.000	593.000									
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					709.751	709.751			603.000	603.000	10.000	593.000	593.000									
(1)	Cải tạo, mở rộng trụ sở Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang	Ban QL các KCN tỉnh Bắc Giang	2022-2023	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc cũ, diện tích sàn 1.324m2; xây mới 01 nhà 3 tầng, diện tích sàn 738m2	628/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	11.751	11.751			10.000	10.000	10.000										Bỏ trừ vốn CBĐT năm 2021 là 250 triệu đồng	
(2)	Dự án Xây dựng Tòa nhà Liên cơ quan mới tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT ĐD&CN tỉnh	2023-2025	Công trình cao khoảng 21 tầng nổi, 01 tầng trệt và 02 tầng hầm, với tổng diện tích sàn khoảng 41.911m2	48/NQ-HĐND, 10/12/2021	698.000	698.000			593.000	593.000	593.000	593.000										
XVII	CỘNG CỘNG ĐÓ THỊ - TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					2.141.198	476.048	124.200	849.036	303.244	245.580	43.500	21.454	21.454			202.080	36.210					
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					2.100.849	435.699	124.200	849.036	267.244	209.580	7.500	21.454	21.454			202.080	36.210					

STT	Dan mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KCHT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trị theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)										Ghi chú					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Trong đó: ODA do tỉnh vay lại	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)	Tổng số				Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Tổng số									
(1)	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tại địa bàn tỉnh Bắc Giang, vay vốn ngân hàng Thế giới	Sở TN&MT	2019-2022	Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai; xây dựng CSDL đất đai	1426/QĐ-UBND, 08/9/2016; 208/BTNMT-KH	152.498	24.321	128.177	63.000	57.500	7.500													
(2)	Đo đạc bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đã thực hiện hoàn thành 2021)	Sở TN&MT	2020-2022	Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai; xây dựng CSDL đất đai	856/QĐ-UBND, 03/7/2012; 1691/QĐ-UBND, 24/8/2020	1.032.928	404.378		16.954			16.954	16.954											
(3)	Hoàn thiện hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính các cấp	Sở Nội vụ	2021-2022	Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai; xây dựng CSDL đất đai	777/QĐ-UBND, 06/5/2015; 6971/QĐ-UBND, 06/5/2019; 934/QĐ-UBND, 15/5/2020	27.981	4.500		4.500		4.500	4.500												
(4)	Phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang	UBND TP Bắc Giang	2016-2022 (đóng khoản vay vào 2023)	Hạ tầng giao thông; thoát nước và VSMT	1737/BKHDT-KTĐP<, 16/3/2016	887.442	2.500	124.200	720.859	182.790	152.080					152.080	30.710							
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					40.349	40.349			36.000	36.000	36.000												
2.1	Sở TN&MT																							
(1)	Nâng cao năng lực quản trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở TN&MT	2022-2023	Mua sắm TTB	1263/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	40.349	40.349			36.000	36.000	36.000												Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 200 triệu đồng
XVIII	ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH ATK					262.402	35.009	227.393		210.500	210.500					210.500								
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					31.109	15.909	15.200		15.500	15.500					15.500								
(1)	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông các xã Hoàng An, Hoàng Lương, Thái Sơn, Đại Thành và Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Hiệp Hòa	2020-2022	Cải tạo, nâng cấp 7 tuyến đường, chiều dài 4,168km	542/QĐ-UBND, 30/10/2015; 1210/QĐ-UBND, 26/12/2020; 1069/QĐ-UBND, 6/10/2021	13.122	4.422	8.700		8.700	8.700					8.700								

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trị theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)												Ghi chú					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Trong đó: KII năm 2021	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV sự nghiệp ...)	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP, TP chính quyền địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác)	Vốn ODA	Theo đầu tư của tỉnh (gồm vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, vốn TPCQ địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung, hỗ trợ NS TW khác và đối ứng ngân sách cấp huyện, xã)				Vốn từ nguồn thu tiền SDD điều tiết NST (bảng số đã xây dựng năm 2022 + số tính điều tiết 30% (gồm 27% cho đầu tư và 3% Quỹ PT đất cho 3 năm 2023-2025)(*)	Tổng số			Tổng số	Trong đó thu hồi ứng trước							ODA do tỉnh vay lại
(2)	Xây dựng nhà lớp học các trường THCS xã Hòa Sơn, THCS Đại Thành, THCS xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2020-2022	Xây dựng 3 nhà lớp học 2 tầng, 20 phòng, diện tích sàn 1.871m2	546/QĐ-UBND, 30/10/2015; 1211/QĐ-UBND, 26/12/2020; 1062/QĐ-UBND, 6/10/2021	9.459	5.459	4.000		4.000	4.000					4.000										
(3)	Xây dựng nhà lớp học các trường THCS Quang Minh, THCS Hùng Sơn, THCS Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2020-2021	Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà lớp học, phòng học chức năng, diện tích sàn 1.470m2	549/QĐ-UBND, 30/10/2015; 1206/QĐ-UBND, 25/12/2020	8.528	6.028	2.500		2.800	2.800					2.800										
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					231.293	19.100	212.193		195.000	195.000					195.000										
(1)	Tu bổ, tôn tạo một số di tích lịch sử, văn hóa ATKII tại các xã: Hòa Sơn, Hoàng Văn, Xuân Cầm và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường THCS Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2021-2023	Trùng tu, tôn tạo Đền Y Sơn, Đình Xuân Biều, cải tạo nhà truyền thống ATKII xã Hoàng Văn; xây dựng cơ sở vật chất Trường THCS Hùng Sơn	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	59.954	500	59.454		50.500	50.500					50.500										
(2)	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường MN, TH, THCS thuộc các xã: Thanh Vân, Mai Trung, Quang Minh, Mai Đình, Hoàng Thanh, Hoàng Văn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2021-2023	5.560m2 phòng học (3.120 m2 phòng học MN; 520m2 phòng học TH; 1.920 m2 phòng học THCS); Nhà hiệu bộ	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	55.339	500	54.839		46.600	46.600					46.600										
(3)	Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Xuân Cầm, Mai Trung, Hợp Thịnh, Hương Lâm, Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Hiệp Hòa	2022-2025	66 phòng học	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	62.000	10.000	52.000		52.000	52.000					52.000										Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 300 triệu đồng
(4)	Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Thái Sơn, Hoàng Văn, Hương Lâm, Hợp Thịnh, Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Hiệp Hòa	2022-2025	69 phòng học	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	54.000	8.100	45.900		45.900	45.900					45.900										Bỏ trị vốn CBĐT năm 2021 là 300 triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)													Ghi chú						
									TMDT				TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:				Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)		Vốn xã số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV, sự nghiệp ...)
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP, TP chính quyền địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác)	Vốn ODA	Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Tổng số	Tổng số	Tổng số			Tổng số	Tổng số	Trong đó thu hồi ứng trước	ODA do tỉnh vay lại								
XIX	HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THEO ND 57/2018/ND-CP, NGÀY 17/4/2018		2021-2025						150.000	150.000	150.000																	
B	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT		2021-2025						29.420.000	16.000.000		29.420.000	8.451.000	20.969.000														Giao tăng so với TW giao 13.420 tỷ đồng
	Thành phố Bắc Giang								10.742.000	8.100.000		10.742.000																
	Huyện Việt Yên								7.182.000	2.200.000		7.182.000																
	Huyện Hiệp Hòa								1.800.000	1.200.000		1.800.000																
	Huyện Yên Dũng								2.212.000	1.250.000		2.212.000																
	Huyện Lạng Giang								2.702.000	1.000.000		2.702.000																
	Huyện Tân Yên								1.350.000	750.000		1.350.000																
	Huyện Yên Thế								450.000	250.000		450.000																
	Huyện Lục Nam								2.062.000	750.000		2.062.000																
	Huyện Lục Ngạn								820.000	400.000		820.000																
	Huyện Sơn Động								100.000	100.000		100.000																
	<i>Trong đó:</i>																											
1	TRÍCH QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH; ĐIỀU TIẾT NS TỈNH ĐỂ CHI BT GPMB VÀ BỔ SUNG CHO ĐẦU TƯ								8.451.000	8.451.000		8.451.000	8.451.000															Tổng chung được dự kiến cho các công trình và điều tiết Quỹ PTĐ tại Cột (*)
	<i>Trong đó:</i>																											
1.1	Trích Quỹ phát triển đất tỉnh và điều tiết về ngân sách tỉnh để chi BTGPMB và bổ sung cho đầu tư								775.295	372.695		775.295	775.295															
1.2	Điều tiết về ngân sách tỉnh để chi BTGPMB và bổ sung cho đầu tư								7.675.705	4.052.305		7.675.705	7.675.705															

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bỏ trừ theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% TMDT đối với dự án nhóm B)												Ghi chú				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			TỔNG SỐ (tất cả các nguồn vốn)		Theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021	Vốn cân đối NS tỉnh (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối (gồm TW giao 16 nghìn tỷ đồng và dự kiến giao tăng 13.420 tỷ đồng so với số TW giao cho tỉnh)	Trong đó:		Nguồn kết dư, nguồn vượt thu tiền đất, vượt thu khác từ ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư (bổ sung hàng năm)	Vốn xố số kiến thiết (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)	Vốn HTMT từ NSTW (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Vốn ODA (theo số vốn giao tại QĐ 1535/QĐ-TTg, 15/9/2021)		Trong đó: ODA do tỉnh vay lại	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	Vốn hỗ trợ từ NS TW khác cho ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	Vốn khác (hỗ trợ của các bộ, ngành TW; vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã; nguồn thu hợp pháp của các DV, sự nghiệp ...)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP, TP chính quyền địa phương, hỗ trợ từ ngân sách TW khác)	Vốn ODA	Vốn bổ sung cho đầu tư từ nguồn thu tiền SDD điều tiết NST (bảng số đã điều tiết năm 2021 + số đã xây dựng năm 2022 + số tính điều tiết 30% (gồm 27% cho đầu tư và 3% Quỹ PT đất cho 3 năm 2023-2025)(*)				Tổng số	Tổng số			Trong đó thu hồi ứng trước							
2	VỐN TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐỀ ĐẦU TƯ							20.969.000	11.575.000			20.969.000												Để lại các huyện, thành phố bằng số giao năm 2021, năm 2022 và 70% tổng thu giai đoạn 2023-2025	
2.1	Thành phố Bắc Giang							6.207.085				6.207.085													
2.2	Huyện Việt Yên							5.052.390				5.052.390													
2.3	Huyện Hiệp Hòa							1.377.212				1.377.212													
2.4	Huyện Yên Dũng							1.911.972				1.911.972													
2.5	Huyện Lạng Giang							2.190.973				2.190.973													
2.6	Huyện Tân Yên							1.011.771				1.011.771													
2.7	Huyện Yên Thế							423.307				423.307													
2.8	Huyện Lục Nam							1.933.632				1.933.632													
2.9	Huyện Lục Ngạn							720.704				720.704													
2.10	Huyện Sơn Động							139.954				139.954													